

Lịch Sử Đức Phật Tổ Cô Đàm  
Maha Thongkham Medhivongs

THIÊN THỨ CHÍN

**ĐỘ ĐỨC TỊNH PHẠM VƯƠNG ĐẮC A-LA-HÁN QUẢ  
VÀ NGÀI NHẬP DIỆT**

-ooOoo-

**K**hi đức Thế Tôn ngự tại Vương Xá thành tại Trúc Lâm tịnh xá hạ thứ tư. Khi sắp nhập hạ thứ năm Ngài cùng năm ngàn vị Tỷ khưu ngự về xứ Vesàli nhập hạ ở tư thất gọi là KUTĀGĀRASĀLA ở rừng gần thành Vesāli .

Trong năm đó đức Tịnh Phạm Vương lâm trọng bệnh, tất cả lương y trong xứ được triệu đến chữa bệnh cho Ngài, tất cả hoàng thân như là lệnh bà Gotami hết lòng lo chăm nom săn sóc nhưng bệnh không hề thuyên giảm, thân hình càng ngày càng tiêu tụy, Ngài không nằm yên được vì chứng bệnh hành hạ. Ngài than rằng: Ta thọ khổ rất nhiều. Bỗng đứng trong khi ấy Ngài lại nhớ đến người con yêu quý như tử của Ngài là đức Thế Tôn, Ngài mới nghĩ rằng: Phải chi có đức Thế Tôn nơi đây, Ngài sờ vào đầu ta, còn đức Ananda sờ vào hai bên thân trái và phải của ta, còn Ra Hâu La cháu nội ta sờ vào hai chân ta, thì sự khổ sở của bệnh tình hành hạ ta chắc chắn sẽ thuyên giảm.

Đồng thời khi ấy nhằm lúc gần sáng đức Thế Tôn xuất thiền dùng tâm từ bi rải khắp tam giới nguyện cho chúng sanh được an vui hạnh phúc không gây oan trái với nhau, không giết hại nhau. Rồi Ngài mới dùng tuệ nhãn xem coi chúng sanh nào có duyên lành để Ngài độ trong ngày ấy.

Phàm một vị Chánh đẳng Chánh giác hằng hành theo năm điều trong ngày, năm điều ấy gọi là Sở dụng thời giờ của Phật.

Phạn ngữ gọi là PANCAVILOKANATHA là:

- 1) PUBBANHE PINDAPĀTANCA. Buổi sáng Ngài ngự đi khất thực.
- 2) SĀYANHE DHAMMADESANAM. Buổi chiều lại Ngài thuyết pháp độ chúng sanh.
- 3) PADOSA BHIKKHU OVĀDAM. Buổi tối Ngài dạy đạo cho chư Tăng.
- 4) ADDHARATTE DEVAPANHANAM. Khuya lại Ngài đáp những câu hỏi của chư Thiên thác mắc.
- 5) PACCÙSEVA GATE KĀLE BHABBĀBHABBE VILOKANAM. Lúc rạng đông Ngài dùng trí tuệ xem coi chúng sanh nào hữu duyên cùng Ngài trong ngày ấy, Ngài ngự đi giáo hóa.

Lúc bấy giờ ấy đức Thế Tôn xem thấy phụ vương Ngài đang lâm trọng bệnh, đang bị bệnh tình hành hạ nằm không yên và rất nhớ đến Ngài cùng Nanda, Ananda và Ra Hầu La cháu đích tôn của Ngài. Đức Thế Tôn mới nghĩ rằng: Ta nên trở về thăm viếng săn sóc bệnh tình cho phụ vương.

Đức Thế Tôn liền gọi đức Ananda đến và dạy rằng: Ananda này, chúng ta nên về thăm đức vua Tịnh Phạn. Chúng ta chỉ còn được gặp mặt Ngài lần này là lần chót. Hơn nữa đức vua đang có tâm hướng về chúng ta, Ngài mong ước được gặp chúng ta; đây là cơ hội đặc biệt chúng ta gặp lại Ngài. Chư Thánh Tăng ở nơi nào người hãy đến nơi ấy cho các vị ấy hay rằng: Như Lai về thành Ca Tỳ La Vệ thăm phụ vương.

Đại Đức Ananda đáp: Xin vâng!

Rồi Ngài lật đật ra đi truyền lời dạy của đức Thế Tôn cho chư Thánh Tăng hay.

Tất cả chư Thánh Tăng kể cả hai vị đại đệ tử và tám mươi vị đại đệ tử khác cùng chư Thánh Tăng ngoài ra khi nghe tin ấy đến hội họp nhau đợi cùng đi với Phật vì quý Ngài có thông tuệ biết rõ tất cả mọi việc.

Đức Ananda về bạch lại mọi việc cho Phật hay và cho Phật biết rằng: Chư Thánh Tăng đã hội lại đủ mặt.

Đức Thế Tôn liền đến nơi hội và phán với chư Thánh Tăng rằng: Quý vị đây đều là người muốn đến viếng phụ vương của Như Lai lần chót chăng?

Sau đó đức Thế Tôn dùng thần thông bay đi chư Thánh Tăng cũng theo Ngài tùy theo hạ cao thấp đi một hàng trông thật đẹp mắt. Khi đến thành Ca Tỳ La Vệ, đức Phật cùng chư Thánh Tăng ngự ngay vào cung vua đang ngự. Đức Phật ngự nơi đầu long sàng vừa tầm mắt đức vua trông thấy. Đức Thế Tôn trông thấy Phụ hoàng thân hình tiêu tụy lấy làm thương hại, Ngài liền phán hỏi căn bệnh và đang đau nhức nơi nào. Đức vua nghe những lời han hỏi của đức Thế Tôn lấy làm cảm động rung rung đôi hàng lệ và bạch rằng:

- Bạch đức Thế Tôn; sự đau khổ của con bệnh không biết kể sao cho hết, trăm không còn sống thêm được nữa rồi.

Đức Thế Tôn dạy: Tâu Đại vương, xin Đại vương đừng nghĩ như vậy. Đức Thế Tôn liền đưa tay mặt ra đồng thời phát nguyện rằng:

- Nếu Như Lai đã có hành ba mươi pháp Ba la mật quý báu cao thượng trong bốn A-tăng-kỳ và trăm ngàn kiếp vì cố ý đem sự lợi ích đến cho chúng sanh, xin do nơi oai lực của phước báu ấy, khi Như Lai dùng tay phải rờ vào đầu của Phụ vương, xin cho sự đau khổ ấy tiêu diệt. Đức Thế Tôn phát nguyện xong rờ vào đầu của đức Tịnh Phạn Vương, sự đau đớn vì con bệnh thuyên giảm ngay.

Khi ấy đức Ananda đánh lễ đức Thế Tôn xong đến gần long sàng của đức vua, rồi phát nguyện rằng:

- Tôi là người hàng theo hầu Phật như bóng với hình, đây là lời thành thật của tôi, xin cho khi tôi dùng tay rờ vào mình của bá phụ, tôi xin cho Ngài được giảm sự đau khổ vì con bệnh hành hạ. Đức Ananda liền rờ vào mình đức vua thì căn bệnh thuyên giảm ngay lập tức.

Đức Nanda liền đến đánh lễ Phật và cũng đến nơi long sàng rồi phát nguyện rằng:

- Nếu tôi là người hành đúng theo lời giáo huấn của đức Đại Giác. Tôi xin nguyện rằng: Do nhờ oai lực hành theo Thánh pháp ấy khi tôi rờ vào mình của phụ vương tôi xin cho căn bệnh được tiêu tan. Khi ngài rờ vào đức vua cảm thấy được mạnh khỏe như xưa.

Đức Ra Hầu La cũng đến gần Phật đánh lễ xong đến bên long sàng và phát nguyện rằng:

- Khi đức Thế Tôn còn là vị đại Bồ Tát trong kiếp Vesantara , Ngài hành hạnh đại thí, Ngài có bố thí tôi cho ông Bà la môn tên Jujaka. Tôi vâng lời Ngài theo ông Bà la môn ấy không hề dâm cãi và buồn phiền Ngài trong thâm tâm. Nếu điều ấy đúng theo sự thật mà tôi đã hành thì do nhờ oai lực công đức ấy xin cho khi tôi rờ vào chân của nội tổ tôi thì căn bệnh của Ngài tiêu tan đi lập tức. Ngài liền rờ vào chân đức vua. Khi ấy đức vua cảm thấy hết bệnh.

Khi Ngài cảm thấy trong thân thể được tho thối an vui như đã thoát khỏi cơn bệnh hiểm nghèo. Ngài liền ngồi dậy tỏ tâm hoan hỷ đưa tay lên khỏi đầu đánh lễ đức Phật và chư Tăng.

Đức Thế Tôn biết rằng: Đức vua đã hết bệnh. Ngài liền dùng trí tuệ quan sát coi phụ vương còn thọ được bao lâu nữa. Ngài biết rằng: Đức vua chỉ còn thọ được bảy ngày nữa thôi, và Ngài hiểu rằng: Đức vua còn có duyên lành đắc quả A-la-hán trong kiếp này do nơi Ngài tiếp độ. Ngài liền bắt đầu thuyết pháp cho đức vua nghe bảy ngày đêm liền không ngừng nghỉ.

Đức vua yêu cầu đức Thế Tôn rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, Ngài là đấng Đại Từ bi chịu cực khổ thuyết pháp cho trăm nghe cả bảy ngày đêm hầu đem sự lợi ích cho trăm.

Đức Thế Tôn liền thuyết bài pháp tên là ANICCA (nghĩa là Pháp vô thường). Đại cương như vậy: Tâu Đại vương, tất cả sanh mạng của chúng sanh rất là bé nhỏ, không trường tồn được, đời sống con người mau lẹ như làn chớp chưa trông thấy thì đã mất rồi, mỗi ngày qua là càng chồng chất thêm tuổi già, ngoài ra còn có bệnh vào tàn phá làm cho đau khổ, đời sống của người có cái chết là sự thật của nó, những của cải mà người ta đã có trong đời này sẽ bị mất, trước khi chết hay là khi chết không đem gì được về ngày vị lai, đó là định luật tự nhiên chúng sanh phải gánh chịu.

Khi nghe xong thời pháp thì đức vua cũng vừa đắc A-la-hán quả. Vì trong khi nghe Ngài quán tưởng theo Minh sát tuệ, Ngài trông thấy thật rõ từng chi tiết của pháp Tứ Đế, Ngài diệt trừ tận gốc của vô minh và si mê nên không còn luân hồi nữa.

Đức vua đắc A-la-hán quả với thần thông nên Ngài dùng trí tuệ quan sát biết rõ nhân duyên của mình, nên Ngài bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn hôm nay trăm đã giải thoát khỏi lưới của luân hồi, trong thấu rõ Niết bàn bằng Tuệ. Tuổi thọ của trăm còn rất ít trăm xin đánh lễ đức Đại Giác, trăm phải nhập diệt ngày hôm nay.

- Tâu Đại vương, xin Đại vương hãy tùy tiện, liệu lấy thời giờ (ý đức Thế Tôn dạy hãy coi giờ nào đúng vào lúc hết tuổi thọ).

Tất cả hoàng tộc và các phi tần như là bà Gotami nghe vậy lấy làm buồn khổ thương yêu Ngài nên đều than khóc náo động cả hoàng cung.

Đức Tịnh Phạn Vương thấy vậy mới dạy rằng:

- Hỡi này các người, xin các người đừng than van khóc lóc buồn thương, vì đời người sanh ra trong vòng luân hồi phải có ngày chia ly với tất cả những nhân vật thương yêu quý mến, và thường hay rung động vì các pháp thế gian như là kinh sợ tử thần. Sau khi ta chết thì lần lượt đến các người kế trước người sau, đó là con đường cuối cùng của đời người, danh vọng tiền tài không đem lợi ích gì đến ta. Vậy các người nên rán lo tu hành để tìm nơi bền vững lâu dài không tiêu diệt, bất di bất dịch.

An ủi quyến thuộc xong Ngài liền cúi đầu đánh lễ đức Thế Tôn và bạch rằng:

- Bạch đức Thế Tôn, những tội lỗi nào mà trăm đã dễ duôi do thân, khẩu, ý phạm với đức Thế Tôn, xin đức Thế Tôn mở lượng Từ Bi tha tội lỗi cho trăm. Trăm xin từ giã đức Thế Tôn nhập Niết bàn. Dứt lời Ngài nằm lại long sàng nhập đại định rồi tịch diệt luôn.

Khi đức Thế Tôn biết đức vua đã tịch diệt, Ngài liền thuyết cho chư Tăng nghe câu kệ:

- Các vị nên trông lấy sự tịch diệt của phụ vương Như Lai làm đề mục, đã gọi là Từ thần thì không bao giờ biết tha thứ cho nhân vật nào. Nó có phận sự là giết tất cả nhân vật là cố hữu của nó vậy.

Khi ấy lệnh bà Gotami và hoàng tộc khóc lóc than van, làm náo nhiệt cả hoàng cung. Đức Thế Tôn mới thuyết pháp về Vô thường, Khổ não, Vô ngã, thì các vị ấy hiểu rõ lý của pháp bớt bi lụy.

Đức Thế Tôn liền gọi Đại Đức Ca Diếp đến dạy rằng: Như Lai phải làm chủ tọa trong cuộc lễ hỏa táng này. Vậy Như Lai phiền ông hãy đi tìm coi địa thế nơi nào thích đáng để làm nơi hỏa táng phụ vương của Như Lai. (ý nói đức Thế Tôn muốn tìm nơi không xa lắm không gần lắm và rộng rãi để cho chư Tăng và dân chúng hội lại làm lễ).

Đức Ca Diếp đáp: Xin vâng!

Đại Đức liền họp với các vị bô lão trong hoàng tộc đi chọn nơi thuận tiện cho cuộc lễ.

Chư Thiên trong cõi Sa bà thế giới đều hội đến, như là đức Đê Thích đem đồ thực phẩm và các vật trên cõi trời đến cúng dường; đặc biệt là Ngài có đem đến một cái DIBYAKUTAG ARA. (nghĩa là nóc của hỏa đài) có hình năm trăm nóc nhà chồng lên nhau từ từng (quí vị hãy coi như đèn vua Cao Mên, Lào, Thái, hay nóc chánh điện của chùa) có cán nhiều châu ngọc trông thật là huy hoàng tráng lệ.

Khi hỏa đài đã xong, Đại Đức Ca Diếp mới vào bạch cho đức Thế Tôn rõ. Đức Thế Tôn dạy người đem nước hoa đến, tự tay Ngài đỡ đầu đức vua và tắm cho Ngài. Đức Xá Lợi Phất là người múc nước xối, còn đức Phật là người kỳ rửa long thể của đức Tịnh Phạn Vương.

Đức Thế Tôn mới phán với Đại Đức Xá Lợi Phất rằng: Này Xá Lợi Phất, kẻ nào là người hành theo thiện pháp, có tâm nguyện đắc quả Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nên cố lo phụng dưỡng mẹ cha, người ấy sẽ đoạt thành sở nguyện.

Khi tắm xong chính tay đức Thế Tôn lo tắm liệm, và Ngài khiêng linh cữu để nơi quàng trong hoàng cung. Khi đến làm hỏa táng chính tay Ngài khiêng linh cữu ra nơi hỏa đài và an tọa trên hỏa đài, Thiên Vương Đê Thích xuống làm lễ linh cữu xong đi quanh ba vòng. Ngài liền lấy ra một viên ngọc gọi là JOTIVANSI (viên ngọc này có thể làm cháy được mọi vật) chuẩn bị để làm lễ hỏa táng.

Đức Thế Tôn mới phán rằng: Này Thiên Vương Đê Thích, người hãy đình chi lại, chuyện này phải chính tay Như Lai làm lễ hỏa táng cho phụ vương mới phải lễ.

Đức Đê Thích mới dâng viên ngọc ấy đến tay đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn đem viên ngọc để vào chân hỏa đài lửa phát cháy. Sau đó chư Thiên và các vị Hoàng thân mới đem vật thơm như trầm, hoa v.v... để vào hỏa đài. Trong cuộc lễ hỏa táng còn có nhiều người thương tiếc khóc than, nhân tiện ấy đức Thế Tôn mới thuyết pháp Vô thường để độ chúng sanh.

Quyển thuộc sáu nước là: 1. Ca Tỳ La Vệ; 2. Devadaha; 3. Koliya; 4. Sakka; 5. Supavasa; 6. Vera cùng hội đến dự cuộc lễ hỏa táng để tang thật là long trọng.

Sau khi hỏa táng xong quyển thuộc sáu nước mới hội nhau làm cuộc lễ cúng dường cho chư Thánh Tăng có đức Thế Tôn làm tọa chủ. Lễ cúng dường thật là long trọng. Sau khi cuộc lễ đức Thế Tôn có dạy rằng:

- RÀJÀCO KHATTIYÀ MÀTÀ. Hãy xem đức vua Tịnh Phạn Vương thẳng hà mà làm gương, mọi người còn sống sẽ có quyển thuộc là cha mẹ, anh em, thầy tổ sẽ chết, khi người yêu thương chết thì người còn lại đều buồn rầu than tiếc uất ức, vì sợ rằng người quá vắng không nơi nương tựa, người ấy nên làm phước bố thí hay cúng dường đến các bậc đáng cúng dường, sự cúng dường hay bố thí cao thượng của người còn tại thế làm và đem ra hồi hướng đến người đã quá vắng. Quả của sự Bố thí hay cúng dường ấy sẽ trả quả cho người quá vắng một sự nghiệp quý giá. Nếu con cháu còn sống mà không làm lễ cúng dường hay bố thí để hồi hướng đến người quá vắng, những con cháu ấy gọi là người bất hiếu, sau khi chết chắc chắn sẽ bị đọa vào ác đạo khó thoát khỏi và phải chịu khổ trong cõi ấy một thời gian khá lâu vậy. Người có hiếu nên biết làm việc lành là bố thí hay cúng dường để hồi hướng phước báu cho quyển thuộc đã quá vắng. Người có hiếu làm như thế sau khi quá vắng được sanh về cõi an vui. Vì vậy bậc có trí nên làm việc lành do lòng trong sạch để hồi hướng quả báu đến cho người đã quá vắng. Sự than khóc, uất ức, ăn năn, thương tiếc thật không bổ ích chi đến người quá vắng, những quyển thuộc mà được hưởng an vui là do nhờ sự cúng dường hay bố thí của người còn tại thế hồi hướng đến mà thôi.

Đức Thế Tôn dạy đoạn này cốt để nhắc nhở quyển thuộc đừng than khóc buồn rầu nên làm việc lành, sau khi thuyết pháp xong Ngài trở về chùa Nigrodha. (Tâu âm Ni Cư Đà).

Một thời gian sau; lệnh bà Gotamì vào hầu Phật và bạch hỏi rằng: Bạch đức Đại Giác, người phụ nữ có thể xuất gia theo Phật giáo được chăng?

Đức Thế Tôn không đáp mà Ngài dạy rằng:

- Di mẫu Gotamì , Bà không nên mộng ước xuất gia, người phụ nữ không nên xuất gia theo Phật giáo.

Bà Gotamì yêu cầu đức Thế Tôn cho bà xuất gia như thế đôi ba lượt. Đức Thế Tôn cũng từ chối không chấp thuận. Lệnh bà lấy làm buồn khổ, than khóc rồi ra về.

Đức Thế Tôn ngự tại thành Ca Tỳ La Vệ một thời gian vừa phải Ngài lại ra về thành Vesàlì , Ngài ngụ tại Kutagàra .

Vì lòng hâm mộ Phật pháp, như là bà thấy rõ quả báo của sự giải thoát nên bà rất yêu chuộng sự xuất gia, bà cùng với năm trăm bà hoàng có chí hướng xuất gia đồng thời pháp đáp y mang bát đi chân không từ thành Ca Tỳ La Vệ đến thành Vesali là nơi đức Thế Tôn đang ngự thuyết pháp độ chúng sanh. Do quý bà là hàng vua chúa không bao

giờ đi bộ, phương chi hôm nay quý bà đi bộ mà lại đi chân không và đi một khoảng đường rất xa nên chân của các bà đều phỏng và nứt ra, thân người bám đầy bụi đường, trông thật là thảm khốc. Quý bà vào hầu Phật mắt đăm đăm lệ.

Trước khi quý bà hầu Phật thì gặp Đại Đức Ananda. Bà Gotami bảo rằng: Sợ dĩ mà bà thí phát, đắp y cả sa trước Phật cho phép, vì bà muốn xuất gia và cũng đã ba phen thỉnh cầu đức Thế Tôn nhưng Ngài không cho phép.

Đại Đức Ananda nói: Xin lệnh bà đình chỉ lại nơi đây. Tôi sẽ vào hầu Phật và xin cho quý bà xuất gia cho bằng được. Đức Ananda liền vào hầu Phật. (từ đoạn sau đây đi tôi viết theo Tạng Luật, bộ Culavagga).

Sau khi đánh lễ Phật xong, rồi vào nơi phải lễ và bạch Phật: Bạch đức Thế Tôn, bà Gotami, hai chân phỏng sưng lên, thân hình bà thật là tiều tụy; mình bám đầy bụi đường, bà rất khổ tâm, nay bà đang đứng khóc bên ngoài vì bà chắc chắn rằng: Đức Thế Tôn không ưng thuận cho phụ nữ xuất gia theo pháp luật của Phật. Vậy nên đệ tử xin đức Thế Tôn mở lượng từ bi cho phép hàng phụ nữ xuất gia theo pháp luật của đức Thế Tôn đã giáo truyền.

- Ananda ơi, người đừng yêu cầu cho hàng phụ nữ xuất gia theo pháp luật của Như Lai đã giáo truyền.

Đại đức Ananda yêu cầu như thế đôi ba lượt, nhưng đức Thế Tôn vẫn đáp như trước.

Đại Đức Ananda mới nghĩ: Tại sao đức Thế Tôn không bằng lòng cho phép hàng phụ nữ xuất gia theo pháp của Ngài đã truyền, mặc dầu vậy, nhưng ta cũng phải cương quyết yêu cầu xin cho kỳ được. Ngài mới bạch hỏi đức Thế Tôn rằng: Bạch đức Thế Tôn, khi hàng phụ nữ xuất gia theo giáo pháp của Ngài, những phụ nữ ấy có thể đắc từ quả Tu đà huàn đến A-la-hán hay không?

- Ananda này, nếu hàng phụ nữ xuất gia theo giáo pháp của Như Lai đã giáo truyền thì cũng có thể đắc đạo quả từ Tu-đà-huàn trở lên A-la-hán.

- Bạch đức Thế Tôn nếu hàng phụ nữ mà xuất gia theo giáo pháp của đức Thế Tôn đã giáo truyền có thể đắc từ quả Tu-đà-huàn đến A-la-hán, vậy xin đức Thế Tôn mở lòng từ bi cho hàng phụ nữ xuất gia theo pháp luật của Ngài đã giáo truyền. Hơn nữa lệnh bà Gotami là người có ơn rất lớn đối với Ngài, bà lại là di mẫu của Ngài, là người đã ra công nuôi dưỡng Ngài, cho Ngài bú từ giọt sữa, đút từ vạt cơm sau khi Phật mẫu thăng hà.

Theo chú giải của bộ Luật này có giải và nêu câu hỏi rằng: Tại sao đức Thế Tôn lại không cho phép hàng phụ nữ xuất gia? Có phải chăng đức Thế Tôn là đáng có lòng từ bi vô lượng vô biên?

Đáp: Phải; đúng vậy. Nhưng đức Thế Tôn định phải có sự yêu cầu khó khăn nhiều lượt như thế, để hàng phụ nữ nhận thức rằng: Sự xuất gia được của chúng ta đây thật là khó. Nhờ vậy nên hàng phụ nữ mới cố gắng thu thúc giới luật hoàn toàn trong sạch.

Đức Thế Tôn liền dạy Đại Đức Ananda rằng: Ananda này, nếu lệnh bà Gotami bằng lòng thọ TÁM TRỌNG PHÁP. Và vâng giữ Tám Trọng Pháp ấy là sự xuất gia của bà.

TÁM TRỌNG PHÁP ấy là:

1) Mặc dầu bà Tỳ khuru ni xuất gia đã được trăm hạ chẳng nữa, cũng phải kính trọng và đánh lễ thầy Tỳ khuru mới xuất gia trong ngày ấy (Đức Thế Tôn ra điều học này để răn

các bà bớt lòng ngã mạn khinh người).

2) Bà Tỳ khuru ni không thể nhập hạ nơi nào mà không có thầy Tỳ khuru (Đức Phật ra điều học này để chư Tỳ khuru Tăng kiểm soát quý bà Tỳ khuru ni).

3) Bà Tỳ khuru ni phải luôn luôn thực hành theo hai điều là: Phải hành lễ Phát lồ. Sau hành lễ xong phải đến nơi chư Tỳ khuru cư ngụ để nghe lời giáo huấn của quý Ngài. (Đức Thế Tôn ra điều học này để quý bà thường trực gần chư Tăng hầu nghe lời giảng dạy của chư Tăng mỗi tháng hai lần).

4) Mặc dầu quý bà đã làm lễ nhập hạ xong, đến ngày ra hạ cũng phải hành lễ ra hạ, và rồi, cũng phải đến nơi cư ngụ của chư Tỳ khuru Tăng hành lễ ra hạ một lần nữa. (Đức Thế Tôn ra điều học này để quý bà tự tỏ ra quý bà rất hòa nhau).

5) Nếu bà Tỳ khuru ni đã phạm Tăng tàng và làm lễ phạt cấm phòng mỗi ngày và đã xưng tội bên Tỳ khuru ni xong cũng phải đến xưng tội với chư Tỳ khuru Tăng.

6) Nếu có giới tử muốn xuất gia Tỳ khuru ni, quý bà đã cho xuất gia xong rồi, nhưng phải đưa đến cho xuất gia lại nơi chỗ có kiết giới của chư Tỳ khuru Tăng.

7) Bà Tỳ khuru ni không quyền thọ mạ chư Tỳ khuru.

8) Vị Tỳ khuru luôn luôn có quyền giáo huấn chư Tỳ khuru ni, chư Tỳ khuru ni không bao giờ có quyền giáo huấn vị Tỳ khuru. Vị Tỳ khuru ni không quyền dễ đuổi đối với vị Tỳ khuru, và phải hết lòng cung kính.

- Ananda này, nếu bà Gotami ưng thuận thọ trì Tám Trọng Pháp mà Như Lai đã dạy trên thì Như Lai chấp thuận cho bà xuất gia bằng cách thọ Tám Trọng Pháp.

Đại đức Ananda học thuộc lòng tám điều ấy xong liền đến nơi của bà Gotami và bảo bà: Nếu lệnh bà bằng lòng thọ Tám Trọng Pháp đó là phương pháp xuất gia của lệnh bà. Đại Đức Ananda liền đọc lại tám điều mà đức Thế Tôn đã khâu truyền.

Khi bà Gotami nghe xong Tám Trọng Pháp liền nói rằng: Bạch Đại Đức lẽ thường thanh niên thanh nữ đều ưa thích tắm rửa trang điểm, đầu giắt hoa sen hay hoa ma lý v.v... Cũng ví như tôi ưa thích Tám Trọng Pháp vâng giữ hành theo trọn đời?

Đại Đức Ananda trở lại hầu Phật đánh lễ xong bạch rằng: Bạch hóa đức Thế Tôn Di mẫu Ngài là bà Gotami rất hài lòng thọ lấy Tám Trọng pháp để xuất gia.

Đức Phật dạy: Ananda ơi, nếu không có phụ nữ xuất gia trong giáo pháp của Như Lai đã giáo truyền thì phạm hạnh còn tồn tại trong thế gian này lâu dài hơn, chánh pháp còn tồn tại đến một ngàn năm. Nhưng khi có phụ nữ xuất gia trong giáo pháp của Như Lai đã giáo truyền thì phạm hạnh sẽ không còn tồn tại lâu dài. Chánh pháp chỉ tồn tại được năm trăm năm. Ananda này, trong gia đình nào có nhiều phụ nữ không có người nam, gia đình ấy sẽ bị kẻ trộm đánh cắp nồi cơm rất dễ, điều này cũng như phụ nữ xuất gia trong giáo pháp nào thì phạm hạnh trong giáo pháp ấy càng không thể tồn tại được lâu dài, cũng như loại cào cào châu chấu đã đáp xuống ruộng lúa nào thì ruộng lúa ấy không thể tồn tại lâu được, hoặc cũng như loại đuông đã sanh trong rẫy mía nào thì rẫy mía ấy cũng chẳng tồn tại lâu được, những điều này cũng ví như khi phụ nữ xuất gia theo pháp luật nào giáo lý nào, thì phạm hạnh của pháp luật ấy hay giáo lý của phạm hạnh ấy, không tồn tại được lâu dài. Do đó người thường đắp đê để ngăn không cho nước tràn ra khỏi ao hồ được. Cũng như Như Lai ra Tám Trọng Pháp cấm đoán Tỳ khuru ni không cho các vị Tỳ khuru ni dễ đuổi trọn đời.

Đây là lời Chú giải của bộ Luật CULLAVAGGA .

Lời Phật dạy: Pháp Luật có nghĩa là Giáo lý hay Giáo pháp, hay Tôn giáo.

Lời Phật ngôn: Ví như người đắp đê to ngăn cản không cho nước tràn ra khỏi ao hồ. Câu này có nghĩa là: Nếu người muốn giữ nước trong ao hồ không cho tràn ra thì phải đắp đê ngăn nước, nước ấy sẽ tồn tại được. Điều này cũng ví như đức Thế Tôn đã ra Tám Trọng Pháp trước khi sanh ra những điều chẳng lành, Ngài không để các bà Tỷ khưu ni vi phạm. Tám Trọng Pháp này cũng ví như là đê để ngăn nước kia vậy. Khi Ngài ra Tám Trọng Pháp ngăn ngừa mà để cho hàng phụ nữ xuất gia thì chánh pháp chỉ tồn tại được năm trăm năm thôi. Một khi đã có Tám Trọng Pháp ngăn ngừa trước thì chánh pháp sẽ còn tồn tại đến một ngàn năm, có nghĩa là nhờ có Tám Trọng Pháp ấy nên thêm được năm trăm năm. Cộng là một ngàn năm.

Câu Phật ngôn dạy: Ngàn năm có nghĩa là kể từ ngày đức Thế Tôn Niết bàn đến một ngàn năm sau còn có vị Thánh nhơn đắc đến bậc A-LA-HÁN QUẢ. Kể đến là ngàn năm thứ nhì chỉ có chư Thánh nhơn đắc đến quả A NA HÀM. Kể đến ngàn năm thứ ba chỉ có chư Thánh nhơn đắc đến quả TU ĐÀ HÀM. Kể đến ngàn năm thứ tư chỉ có chư Thánh nhơn đắc quả TU-ĐÀ-HUỒN mà thôi... Ngàn năm thứ năm chỉ còn các vị Tỷ khưu thọ giới Ba La Đề Mộc Xa. Tức là thọ Cụ Túc giới.

Đây là đoạn Chú giải bộ DIGHANIKAYA (Bộ Trường A Hàm).

Trong bộ chú giải của Tạng kinh Trường A Hàm có giải khác hơn là:

Ngàn năm đầu còn có bậc A-la-hán PATISAMBHIDA , Tàu dịch là TUỆ PHAÂN TÍCH.

Ngàn năm thứ nhì còn có vị A-la-hán đắc được CHALA BHINNO , Tàu dịch là LỤC THÔNG.

Ngàn năm thứ ba còn có vị A-la-hán đắc TÊVIJJO , Tàu dịch là TAM MINH.

Ngàn năm thứ tư còn có vị A-la-hán gọi là SUKKHAVIPASSAKA , Tàu dịch là SẮC BIÊN LẠC. (quán xét các bậc thiền Sắc và Vô Sắc).

Ngàn năm thứ năm còn giới Ba La Đề Mộc Xa tức là Cụ Túc giới.

Riêng về chú giải của Tạng kinh bộ ANGUTTARANIKAYA lại giải khác hơn chút là:

Chư đệ tử có thể đắc được Tuệ phân tích ở ngàn năm thứ nhứt sau khi Phật Niết bàn.

Đến ngàn năm thứ nhì chư đệ tử chỉ đắc được Lục thông.

Đến ngàn năm thứ ba chư đệ tử chỉ đắc được Tam minh.

Đến ngàn năm thứ tư chư đệ tử chỉ đắc được SẮC BIÊN LẠC thôi, (tức là thiền Hữu sắc và Vô Sắc).

Sau đó chỉ còn có chư Thánh nhơn đắc được ba quả dưới là A na hàm, Tư đà hàm và Tu-đà-huờn. Kể ra là đủ năm ngàn năm tuổi của Phật giáo.

Theo bộ chú giải này chỉ cho ta thấy trong vòng năm ngàn năm còn có Thánh nhơn. (Lời của soạn giả).



Theo đây tôi (soạn giả) cũng xin nói rõ thêm là: Khi lịnh bà Gotami xuất gia theo Phật pháp, tất cả những điều học là hai trăm hai mươi bảy điều răn cấm của chư Tăng chưa có, vì lúc ấy Phật giáo mới truyền bá, hầu hết chư Tăng điều là bực Thánh nonh; nếu vị nào chưa đắc Thánh quả cũng đều là hạng có giới đức thật trong sạch như bực Thánh nonh, vì các vị ấy có duyên lành rất dày nên không vị nào phạm một lỗi lầm mặc dầu thật nhỏ. Đến hạ thứ sáu trở đi mới bắt đầu có điều răn cấm những điều răn cấm gọi là Điều học hay cũng gọi là Luật.

Sau khi Đại Đức Ananda bạch Phật là bà Gotami bằng lòng nhận Tám Trọng Pháp để hành theo trọn đời, Đức Thế Tôn cho bà Gotami xuất gia với năm trăm bà hoàng bằng cách thọ Tám Trọng Pháp. Kể từ ngày ấy có Tỳ khuru ni và có đủ hàng Tứ chúng.

Nói về việc hòa táng đức Tịnh Phạn Vương xong. Tất cả các vị vua trong sáu nước thuộc dòng Thích Ca và hoàng tộc trong sáu nước ấy lập tức hội lại bàn với nhau rằng: Trong nước không nên không có vua mặc dầu chỉ trong một ngày thôi. Vì vậy các vị hoàng tộc xứ Ca Tỳ La Vệ và năm vị vua kia cùng đồng lòng tôn ông hoàng Mahanāma lên ngôi Hoàng đế tại xứ Sakka kinh đô Ca Tỳ La Vệ; vì dòng của đức Tịnh Phạn Vương không còn ai nối ngôi nữa bởi đức Thế Tôn đã xuất gia và thành đạo, con thứ của đức Tịnh Phạn Vương là đức Ananda cũng xuất gia, cháu nội Ngài là con đức Thế Tôn là ông Ra Hâu La cũng xuất gia.

Riêng về bà Gia Du Đà La được tin đức Thế Tôn đã cho phép hàng phụ nữ xuất gia hành theo phạm hạnh của Ngài. Bà mới nghĩ: Cố nhiên vạn vật trong vũ trụ như là ngai vàng của vị đế vương thường hay thay đổi, không chắc của một vị nào, một dòng nào. Sang, giàu, công danh sự nghiệp, ngôi vị đế vương cũng ví như nghề. Vì nghề có dính vào người chẳng nữa cũng chẳng bao lâu rồi cũng phai lợt hết đi. Khi mà ta còn tại tiền đây, chồng ta cũng còn hiện nay, ngai vàng này phải là của chồng ta, nếu không vậy cũng phải là của con ta, nhưng hôm nay lại thành ra của kẻ khác; đây là bởi chồng ta là người cao quý không tham mùi tục lụy, mùi tục lụy đối với chồng ta như nước bọt khi nhổ ra rồi không bao giờ liếm lại, hoặc cũng có thể ví như người kinh sợ vật thực có chất độc không bao giờ dám ăn. Sợ dĩ mà chồng ta bỏ ngai vàng, vợ đẹp con thơ, uy quyền tột đỉnh là ngai vàng cũng vì sợ chất độc hại mình. Như vậy ta còn ham mê gì trong cõi đời đầy chất độc này? Cung vàng điện ngọc, này sự sung sướng của thân xác này, có ích gì cho đời ta? Điều mà đáng cho ta nghĩ tới và ham mộ là sự xuất gia và giải thoát khỏi thế gian đầy chất độc này.

Khi bà nghĩ vậy liền vào hầu tần vương là ông Mahanāma xin Ngài cho phép xuất gia. Đức vua nhận lời. Bà cùng hai trăm năm mươi vị hoàng tộc và phi tần đã theo hầu bà từ trước cùng nhau đến thành Thất La Phiệt xin xuất gia Tỳ khuru ni. Đức Thế Tôn cho xuất gia.

Sau khi xuất gia xong bà Gia Du Đà La trì chí hành đạo. Đức Thế Tôn dạy cách hành Minh sát tuệ hợp theo duyên lành của bà, không bao lâu bà đắc A-la-hán quả.

Đức Thế Tôn ngự tại Kỳ Viên tịnh xá của ông Trưởng giả Cấp Cô Độc dâng cúng tịnh xá này tốn đến năm mươi bốn triệu tỷ vàng.

-ooOoo-

[Trang trước](#) | [Đầu trang](#) | [Mục lục](#) | [Trang kế](#)

[\[Trở về trang Thư Mục\]](#)

*update: 25-04-2001*